TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/ HNGĐ – ST.
Ngày:16 -7- 2020.
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Thanh Phong.

2/ Bà Phan Thị Nhâm.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Lài– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc , tỉnh Bình Thuận.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 58/2020/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020. Về: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST– HNGĐ ngày 11/6/2020; Quyết định Hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Ái N - Sinh năm 1979.

Bị đơn : Anh Thái Minh T – Sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 12/2/2020 và tại bản khai, nguyên đơn chị Phan Thị Ái N trình bày: Chị với anh T cưới nhau vào năm 2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H1, tỉnh Bình Thuận. Việc vợ chồng chung sống với nhau là do hai bên tự tìm hiểu, thời gian tìm hiểu là 01 năm. Sau khi cưới vợ chồng chị chỉ sống chung được khoảng gần 01 tháng tại nhà anh T, sau đó do công việc làm ăn nên chị về nhà mẹ ruột ở còn anh T tiếp tục ở chung với ba mẹ anh T. Trong thời gian này thì hai vợ chồng vẫn đi lại thường xuyên. Giữa hai vợ chồng

không xảy việc đánh đập, chửi bới nhau, nhưng thực sự hạnh phúc thì không có, vì cứ mỗi người việc ai nấy làm, mạnh ai nấy sống không quan tâm đến nhau. Một mình chị làm lo cho con ăn học, còn anh T không quan tâm đến việc gia đình. Vào khoảng 7/2018 thì anh T tự ý cắt đứt liên lạc không ngó ngàng đến mẹ con chị nữa. Sau đó chị có liên lạc với anh T để bàn về vấn đề hàn gắn, nhưng anh T cho rằng vợ chồng không còn tình cảm, ai nấy tự lo cho cuộc sống của mình. Từ đó thì vợ chồng không liên lạc với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thái Minh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Thái A T – sinh ngày 14/5/2003. Hiện con đang ở với chị N.

Khi ly hôn chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được quyền tiếp tục nuôi con tên Thái A T – sinh ngày 14/5/2003 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cùng chính quyền địa phương đã nhiều lần đến nơi ở của anh T để tống đạt các văn bản tố tụng, nhưng anh T cố tình lẫn tránh. Tòa án tiến hành niêm yết theo quy định pháp luật, anh T vẫn không đến Tòa án, vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Chị Phan Thị Ái N yêu cầu được ly hôn với anh Thái Minh T và yêu cầu giải quyết về con chung. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Anh Thái Minh T có hộ khẩu thường trú tại xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc. Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét bị đơn anh Thái Minh T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn anh Thành.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về Hôn nhân:* Chị N và anh T cưới nhau vào năm 2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H1, tỉnh Bình Thuận. Thời gian vợ chồng anh

chị chung sống với nhau được 01 năm, nhưng chị N cảm thấy chỉ có hạnh phúc vài tháng đầu, thời gian sau không có hạnh phúc. Bởi vì trong cuộc sống hàng ngày theo chị N thì anh T ít quan tâm đến gia đình vợ con. Vào năm 2003 chị bỏ về nhà mẹ ruột sống, anh T có đến ở cùng chị, sau đó không đến nữa, vợ chồng mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Có lần chị chủ động liên hệ bảo anh trở về để vợ chồng hàn gắn làm ăn nuôi con, nhưng anh không đồng ý và vợ chồng đã không còn liên hệ gì từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu được ly hôn anh Thái Minh T. Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T đến Tòa để hòa giải, nhưng anh T cố tình lẫn tránh, vắng mặt không có lý do, nên Tòa không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật được. Việc đó thể hiện ý thức xem thường pháp luật, không thiết tha gì đến hạnh phúc và hôn nhân của mình. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tình cảm giữa chị N với anh T không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục cuộc sống chung được. Do vậy yêu cầu được ly hôn của chị N là có căn cứ, nên chấp nhận.

[2.2]*Về con chung:*

Vợ chồng có 01 con chung tên Thái A T – sinh ngày 14/5/2003. Hiện con đang ở với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được quyền tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị N là hoàn toàn có căn cứ, vì từ trước đến nay cháu T vẫn ở với chị và theo nguyện vọng của cháu T yêu cầu được tiếp tục ở với mẹ, nên việc chị N yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con là phù hợp, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Riêng về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, do chị N không yêu cầu, nên không xem xét.

[2.3]*Về tài sản và nợ:* Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] *Về án phí:* Chị Phan Thị Ái N phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Anh Thái Minh Thành không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 70, 72

Khoản 4 Điều 91, Điều 146, Khoản 4 Điều 147, Điều 207, Khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên Xử:

1/ Về Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Ái N. Chị Phan Thị Ái N được ly hôn anh Thái Minh T.

2/ Về con chung: Giao con tên Thái A T – sinh ngày 14/5/2003 cho chị Nhi được quyền tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị N không yêu cầu, nên không xem xét.

Anh Thái Minh T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3/ Về tài sản và nợ: Không yêu cầu giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Phan Thị Ái N phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005715 ngày 19/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, nên không phải nộp nữa.

Anh Thái Minh T không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm.

Báo cho bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bạch Tuyết